

NHẬT BẢN TIẾT 1 VÀ 2

NỘI DUNG BÀI HỌC

I. THUẬN LỢI VÀ KHÓ KHĂN CỦA NHẬT BẢN

II. CÁC NGÀNH KINH TẾ

1. CÔNG NGHIỆP
2. DỊCH VỤ
3. NÔNG NGHIỆP

III. BỐN VÙNG KINH TẾ GẮN VỚI BỐN ĐẢO LỚN (HS TỰ ĐỌC)



I. THUẬN LỢI VÀ KHÓ KHĂN CỦA NHẬT BẢN.

1. Thuận lợi:- Nhật Bản là đất nước quần đảo, nằm ven bờ Thái Bình Dương, rất thuận lợi giao lưu hợp tác, thương mại, phát triển KT biển.

- Nền Giáo dục & Đào tạo và KHKT phát triển mạnh nên có nhiều ứng dụng các thành tựu khoa học kỹ thuật vào sản xuất công nghiệp.

- Chính sách của Nhật Bản ưu tiên phát triển các ngành kỹ thuật cao.

- Các ngành công nghiệp kỹ thuật cao đem lại lợi ích kinh tế lớn.

2. Khó khăn: - Nhật Bản nghèo tài nguyên khoáng sản nên phải nhập khẩu.

- Thường xuyên xảy ra thiên tai động đất, núi lửa và sóng thần.

II. CÁC NGÀNH KINH TẾ

1. CÔNG NGHIỆP (23,0%)



Ngành	Sản phẩm nổi bật		Hãng nổi tiếng
Công nghiệp chế tạo (chiếm khoảng 40 % giá trị hàng công nghiệp xuất khẩu)	Tàu biển	Chiếm khoảng 41% sản lượng xuất khẩu của thế giới	Mitsubisi, Hitachi, Toyota, Nissan, Honda, Suzuki
	Ô tô	Sản xuất khoảng 25% sản lượng ô tô thế giới và xuất khẩu khoảng 45% số xe sản xuất ra	
	Xe gắn máy	Sản xuất khoảng 60% lượng xe gắn máy của thế giới và xuất khẩu 50% lượng xe sản xuất ra	
Sản xuất điện tử (ngành mũi nhọn của Nhật Bản)	Sản phẩm tin học	Chiếm khoảng 22% sản phẩm công nghệ tin học thế giới	Hitachi, Toshiba, Sony, Nipon, Electric, Fujutsu
	Vi mạch, chất bán dẫn	Đứng đầu thế giới về sản xuất vi mạch và chất bán dẫn	
	Vật liệu truyền thống	Đứng thứ hai thế giới.	
	Rôbôt (người máy)	Chiếm khoảng 60% tổng số robot của thế giới và sử dụng robot với tỷ lệ lớn trong các ngành công nghiệp kỹ thuật cao, dịch vụ	
Xây dựng và công trình công cộng	Công trình giao thông, công nghiệp	Chiếm khoảng 20% giá trị thu nhập công nghiệp, đáp ứng việc xây dựng các công trình với kỹ thuật cao	
Dệt	Sợi, vải các loại	Là ngành khởi nguồn của công nghiệp Nhật Bản ở thế kỷ XIX, vẫn được tiếp tục duy trì và phát triển	

*** Về cơ cấu:**

- Cơ cấu ngành công nghiệp đa dạng: cả các ngành kĩ thuật cao và truyền thống. Trong đó nhiều sản phẩm công nghiệp nổi tiếng thế giới.
- Các ngành kĩ thuật cao: CN chế tạo, CN điện tử, CN xây dựng công trình công cộng.
- CN truyền thống: Dệt

*** Về phân bố công nghiệp:**

- Mức độ tập trung cao, nhiều nhất trên đảo Hôn-su.
- Các trung tâm công nghiệp phân bố ven biển phía Thái Bình Dương.



2. DỊCH VỤ

- * **Vai trò:** Là ngành kinh tế quan trọng: chiếm 75,9% GDP (năm 2013)
- * **Các ngành dịch vụ quan trọng:** thương mại, tài chính, ngân hàng, giao thông vận tải.
 - Thương mại: xuất khẩu và nhập khẩu
 - + Đứng thứ 4 thế giới sau Hoa Kỳ, Đức và Trung Quốc.
 - + Xuất khẩu: Chế tạo máy, điện tử, tin học, GTVT , người máy...
 - + Nhập khẩu: Sản phẩm nông nghiệp, năng lượng, nguyên liệu thô...
 - + Thị trường: Cả các nước phát triển và đang phát triển: Hoa Kỳ, Trung quốc, EU...
 - Ngành tài chính, ngân hàng phát triển hàng đầu thế giới.
 - Giao thông vận tải biển có vị trí đặc biệt quan trọng, đứng thứ ba thế giới.

3.NÔNG NGHIỆP (1,1%)

*** Đặc điểm**

- Giữ vai trò thứ yếu: chiếm 1,1% GDP (năm 2013)
- Đất nông nghiệp ít (14% lãnh thổ)
- Phát triển theo hướng thâm canh.
- Đánh bắt và nuôi trồng thủy sản được chú trọng.

*** Tình hình phát triển**

- Trồng trọt: lúa gạo, chè, thuốc lá, dâu tằm.
- Chăn nuôi: bò, lợn, gà.
- Đánh bắt hải sản: cá thu, các ngừ, tôm, cua.
- Nuôi trồng hải sản: tôm, sò, ốc, rau câu, trai lấy ngọc.

NỘI DUNG GHI BÀI

TIẾT 2: CÁC NGÀNH KINH TẾ VÀ CÁC VÙNG KINH TẾ

I. Các ngành kinh tế

1. Công nghiệp

- Đứng đầu... thai... trên thế giới.
- Chiếm vị trí cao về: sản xuất máy công nghiệp và thiết bị điện tử... đặc biệt phía TBD
- Phân bố: Nước đ. tập trung cao...

2. Dịch vụ

- Là khu vực kinh tế quan trọng.
- Thương mại và tài chính... là 2 ngành chủ chốt.
- Đứng thứ 4 trên thế giới về thương mại...
- GT.V.T. chính... thủ bộ... trên thế giới với các cảng lớn: Cô-bê, I-cô-ha-mi, Tokyo, Osaka.
- Đứng đầu trên thế giới về tài chính... ngân hàng...
- Đầu tư ra nước ngoài ngày càng nhiều.

3. Nông nghiệp

- Chỉ đang xài... táo... thủ yếu... trong nền kinh tế.
- Diện tích đất NN ít => thâm canh => tăng năng suất và chất lượng.
- Trồng trọt:
 - + Lúa gạo: cây trồng chính, 50% diện tích trồng trọt nhưng đang giảm.
 - + Cà phê, cao su, cây phêrô, biến... chè, thức ăn, dầu dừa
- Chăn nuôi tương đối phát triển theo hình thức... trại...
- Ngành... khai thác nước... thủy sản phát triển.

II. Bốn vùng kinh tế gắn với bốn đảo lớn (HS tự đọc)